TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Thực hành Phật giáo trong thời đại trí tuệ nhân tạo (P.2/6)

ISSN: 2734-9195 15:00 18/11/2026

Công nghệ cần mở rộng năng lực chứ không thay thế khả năng phán đoán của con người; củng cố tự do thay vì làm suy giảm tự do; tăng cường sự gắn kết cộng đồng thay vì tạo thêm những chia rẽ.

* Ở phần 1, bài viết đặt ra yêu cầu nhìn nhận trí tuệ nhân tạo (AI) không đơn thuần như một công cụ công nghệ, mà như một hệ sinh thái phức hợp đang tác động sâu rộng đến con người và xã hội.

Từ những ứng dụng AI trong dịch thuật kinh điển, truyền tải giáo lý đến các nguy cơ về giám sát, xâm phạm quyền riêng tư, thông tin giả mạo, gian lận học thuật và tác động môi trường, bài viết nhấn mạnh rằng vấn đề không chỉ nằm ở năng lực của AI, mà còn ở mục đích và cách con người sử dụng công nghệ.

Đặc biệt, khi AI ngày càng có khả năng chủ động thực hiện hành động, những tham vọng, sân hận và vô minh của con người có thể được khuếch đại với quy mô và mức độ tác động lớn hơn.

Qua liên hệ với khái niệm "*siêu vật thể*" của Timothy Morton và hình ảnh Mạng lưới Indra trong tư tưởng Hoa Nghiêm, tác giả gợi mở cách nhìn AI như một mạng lưới tương tác giữa dữ liệu, thuật toán, con người và các điều kiện xã hội.

Từ đó, câu hỏi xuyên suốt được đặt ra: Phật giáo cần tiếp cận và thực hành như thế nào trước một thực tại công nghệ đang biến đổi nhanh chóng?

Xem thêm: "Thực hành Phật giáo trong thời đại trí tuệ nhân tạo (P.1/6): Nhìn nhận AI từ bức tranh toàn cảnh", Tạp chí Nghiên cứu Phật học, ngày 28/10/2026. https://tapchinghiencuuphathoc.vn/thuc-hanh-phat-giao-trong-thoi-dai-tri-tue-nhan-tao-p-1-6.html

1. Hai mục tiêu, hai cách tiếp cận

Trí tuệ nhân tạo (AI) đang được phát triển với kỳ vọng giải quyết nhiều vấn đề và cải thiện chất lượng cuộc sống. Tuy nhiên, đằng sau những tiến bộ công nghệ là hàng loạt vấn đề liên quan đến môi trường, quyền sở hữu dữ liệu, điều kiện lao động và trách nhiệm xã hội.

Từ góc nhìn Phật giáo, sự khác biệt giữa mục tiêu của công nghệ và mục đích của con đường tu tập đặt ra một câu hỏi đáng suy ngẫm: Công nghệ đang thực sự phục vụ con người hay con người đang dần trở thành phương tiện phục vụ cho sự phát triển của công nghệ?

Vậy đâu là sự khác biệt giữa mục đích của Phật giáo và mục tiêu của các công ty phát triển trí tuệ nhân tạo?

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã xác định rõ mục đích của con đường tu tập thông qua Tứ Diệu Đế, Bát Chính Đạo và nhiều bài kinh được giảng dạy trong suốt cuộc đời hoằng pháp. Cốt lõi của thực hành Phật giáo là chuyển hóa tâm và hành vi thông qua việc trau dồi những phẩm chất như buông bỏ chấp thủ, chính niệm, lòng từ bi.

Trải qua hơn 2.500 năm, Phật giáo đã đóng góp nhiều giá trị tích cực cho đời sống cá nhân và xã hội. Dĩ nhiên, lịch sử Phật giáo cũng không hoàn toàn vắng bóng những vấn đề và hành vi sai lệch. Tuy nhiên, cần phân biệt những biểu hiện xuất phát từ con người với những giá trị cốt lõi mà giáo pháp hướng đến.

Theo cách diễn giải của Perplexity AI, mục tiêu cốt lõi của các nhà phát triển AI là đổi mới công nghệ, mở rộng chức năng và ứng dụng thực tiễn của máy móc nhằm giải quyết vấn đề, cải thiện đời sống con người. Đây là một mục tiêu đầy triển vọng. Tuy nhiên, bên cạnh những tuyên bố về lợi ích, chúng ta cũng cần nhìn nhận những hệ quả thực tế mà quá trình phát triển công nghệ này đang tạo ra.

2. Trung tâm dữ liệu siêu quy mô và sự ảnh hưởng đối với môi trường

AI không phải là một khái niệm lý thuyết hay một công cụ tồn tại độc lập trong không gian **kỹ thuật số**. Để vận hành, công nghệ này cần một hệ thống cơ sở hạ tầng vật lý quy mô lớn, trong đó các trung tâm dữ liệu đóng vai trò thiết yếu.

Các trung tâm dữ liệu đã tồn tại từ lâu, nhưng sự phát triển của AI, đặc biệt là những mô hình quy mô lớn, đang làm thay đổi đáng kể yêu cầu về năng lực tính toán, điện năng và tài nguyên vận hành.

Một số trung tâm dữ liệu được xây dựng cách đây vài năm có mức tiêu thụ điện khoảng 5 megawatt, trong khi những trung tâm dữ liệu phục vụ AI hiện nay có thể cần công suất trên 200 megawatt. Để hình dung quy mô này, một thành phố hiện đại có khoảng 500.000 dân có thể cần công suất điện liên tục trung bình từ 250 đến 1.000 megawatt, tùy thuộc vào khí hậu và mức độ công nghiệp hóa.

Riêng tại Bắc Mỹ, hàng nghìn dự án trung tâm dữ liệu đang được công bố, quy hoạch hoặc đề xuất xây dựng. Nhu cầu điện năng ngày càng tăng khiến các nhà phát triển phải tìm đến nhiều nguồn năng lượng khác nhau, trong đó có nhiên liệu hóa thạch và năng lượng hạt nhân, khi các nguồn năng lượng tái tạo chưa đáp ứng đủ nhu cầu.

Điều này đặt ra những lo ngại về tác động môi trường và mục tiêu ổn định khí hậu. Trong khi lợi ích kinh tế từ các dự án công nghệ có thể tập trung vào một số doanh nghiệp, chi phí môi trường và những hệ lụy từ biến đổi khí hậu lại có nguy cơ được chuyển sang cộng đồng và xã hội.

Theo CBS News, ngành công nghiệp AI dự kiến đầu tư hơn 1.500 tỷ USD vào việc xây dựng các trung tâm dữ liệu mới trong những năm tới, riêng tại Bắc Mỹ. Một vấn đề đáng chú ý là các chính sách thuế và ưu đãi đầu tư bất động sản dành cho loại hình cơ sở hạ tầng này. Một số địa phương áp dụng mức thuế thấp hoặc dành những ưu đãi đáng kể cho doanh nghiệp phát triển trung tâm dữ liệu, trong khi chi phí hạ tầng và tác động xã hội vẫn cần được xem xét một cách toàn diện.

Không chỉ tiêu thụ năng lượng, sự mở rộng của hệ thống trung tâm dữ liệu còn kéo theo lượng lớn thiết bị điện tử cần thay thế. Theo The Guardian, xu hướng này có thể khiến lượng rác thải điện tử toàn cầu tăng mạnh trong những thập niên tới. Nhiều thiết bị chuyên dụng không được thiết kế để dễ dàng sửa chữa hoặc tái sử dụng, trong khi vòng đời sử dụng có thể chỉ kéo dài từ hai đến năm năm.

Như vậy, đằng sau sự tiện lợi của các ứng dụng AI là một hệ thống tiêu thụ tài nguyên vật chất không nhỏ. Đây là khía cạnh cần được nhìn nhận khi đánh giá tính bền vững của tiến bộ công nghệ.



Hình ảnh minh hoạ được tạo bởi AI.

3. Quyền sở hữu dữ liệu và sự suy giảm độ tin cậy

Một vấn đề khác đang gây nhiều tranh luận là quyền sở hữu và sử dụng dữ liệu trong quá trình huấn luyện AI.

Theo những tài liệu được công bố liên quan đến vụ kiện giữa "*The New York Times*" với "*OpenAI và Microsoft*", một số trao đổi nội bộ của doanh nghiệp đã đề cập đến những rủi ro phát sinh từ hoạt động thu thập dữ liệu quy mô lớn để huấn luyện mô hình AI. Các vấn đề được đặt ra bao gồm quyền tác giả, tính hợp pháp của việc sử dụng nội dung và nguy cơ làm suy giảm hệ sinh thái thông tin trên Internet.

Những tranh luận này cho thấy một câu hỏi quan trọng: "*Liệu các thành quả sáng tạo của con người có đang được khai thác để phát triển những hệ thống thương mại mà chưa có sự đồng thuận hoặc cơ chế bồi hoàn thỏa đáng cho chủ sở hữu?*"

Một số mô hình ngôn ngữ lớn (LLM) được huấn luyện trên kho dữ liệu văn bản khổng lồ. Để có được nguồn dữ liệu này, các công ty công nghệ sử dụng nhiều phương thức thu thập và xử lý nội dung, từ tài liệu số đến sách in được số hóa bằng công nghệ nhận dạng ký tự quang học (OCR).

Vấn đề trở nên phức tạp hơn khi các hệ thống AI ngày càng sử dụng nội dung do chính AI tạo ra làm nguồn dữ liệu đầu vào. Nếu không có cơ chế kiểm soát chất lượng phù hợp, quá trình này có thể khiến sai lệch và thông tin thiếu chính xác tiếp tục được tái tạo, làm suy giảm chất lượng dữ liệu huấn luyện.

Bên cạnh đó, các mô hình ngôn ngữ lớn có tính xác suất trong quá trình tạo câu trả lời. Cùng một yêu cầu, hệ thống có thể đưa ra những kết quả khác nhau tùy thuộc vào cách vận hành và bối cảnh xử lý. Khi các tác nhân AI (AI agents) được giao thực hiện những nhiệm vụ gồm nhiều bước, sai lệch ở một bước có thể tiếp tục ảnh hưởng đến những bước tiếp theo.

Trong quá trình phát triển các hệ thống có khả năng tự cải tiến và hướng tới trí tuệ nhân tạo tổng quát (AGI), vấn đề kiểm soát, tính nhất quán và độ tin cậy càng trở nên quan trọng. Vì vậy, không nên mặc nhiên xem mọi kết quả do AI tạo ra là chính xác. Con người vẫn cần giữ vai trò kiểm chứng, đánh giá và chịu trách nhiệm đối với những quyết định được đưa ra dựa trên công nghệ này.

4. Chủ nghĩa thực dân kỹ thuật số và những người lao động vô hình

Đằng sau sự phát triển của các mô hình AI còn có một khía cạnh ít được chú ý: sự phụ thuộc vào lực lượng lao động kỹ thuật số, đặc biệt là những người lao động tại các quốc gia đang phát triển.

Theo Tech Policy Press, các mô hình ngôn ngữ lớn không tự hình thành khả năng phản hồi như con người vẫn hình dung. Quá trình phát triển và hoàn thiện chúng phụ thuộc rất nhiều vào dữ liệu được tuyển chọn, đánh giá và điều chỉnh bởi con người.

Một hình thức lao động phổ biến trong lĩnh vực này là phân công những nhiệm vụ nhỏ (micro-tasking). Hàng trăm nghìn lao động kỹ thuật số, phần lớn đến từ các quốc gia đang phát triển, được thuê để đánh giá câu trả lời, sửa lỗi, phân loại dữ liệu và hướng dẫn mô hình AI tạo ra những phản hồi phù hợp hơn.

Công việc của họ bao gồm cả việc kiểm duyệt nội dung bạo lực, ngôn từ thù ghét và những nội dung có tính chất bóc lột, nhằm hạn chế các phản hồi gây hại cho người sử dụng.

Theo những thông tin được tác giả dẫn lại từ nhiều nguồn, một bộ phận lao động trong lĩnh vực này chỉ nhận mức thù lao khoảng 1–2 USD mỗi giờ. Đáng lo ngại hơn, những người làm công việc kiểm duyệt nội dung có thể thường xuyên phải tiếp xúc với hình ảnh và thông tin gây tổn thương tâm lý nghiêm trọng, trong khi điều kiện hỗ trợ sức khỏe tinh thần chưa tương xứng với tính chất công việc.

Đây là một nghịch lý đáng suy ngẫm: những hệ thống được xây dựng với mục tiêu mang lại sự tiện ích cho hàng triệu người lại có thể dựa trên sức lao động ít

được nhìn nhận và bảo vệ của những cộng đồng dễ bị tổn thương.

Khái niệm "*chủ nghĩa thực dân kỹ thuật số*" vì thế được đặt ra để chỉ những hình thức bất bình đẳng mới trong quan hệ khai thác dữ liệu, lao động và nguồn lực giữa các quốc gia, đặc biệt khi lợi ích kinh tế tập trung ở những tập đoàn công nghệ lớn, còn chi phí xã hội lại được chuyển sang những nhóm yếu thế hơn.

5. Công nghệ phát triển vì ai và phục vụ mục đích gì?

Trở lại với những giá trị Phật giáo được đề cập ở phần đầu, tác giả cho rằng những lời hứa về lợi ích xã hội của AI hiện vẫn chưa tương xứng với các hệ lụy môi trường, kinh tế và xã hội mà hệ thống này có thể tạo ra.

Đây không phải là sự phủ nhận toàn bộ giá trị của công nghệ. Vấn đề nằm ở cách đánh giá tiến bộ: không thể chỉ nhìn vào tốc độ xử lý, năng lực tính toán hay lợi ích kinh tế mà bỏ qua những chi phí mà con người và môi trường phải gánh chịu.

Đồng thời, thực hành Phật giáo cũng không nên bị giới hạn trong phạm vi chuyển hóa cá nhân, tách rời những vấn đề chung của xã hội. Người thực hành Phật pháp vẫn cần tham gia vào các cuộc đối thoại công cộng, đóng góp góc nhìn **đạo đức** và trách nhiệm đối với những thay đổi đang tác động đến đời sống con người.

Trong số mùa thu năm 2026 của Tạp chí Phật giáo châu Âu, với chủ đề "*Thực hành tu tập trong thời kỳ hỗn loạn*", tác giả Stefano Davide Bettera đặt ra một câu hỏi đáng chú ý: "*Làm thế nào để thiết kế và điều chỉnh môi trường kỹ thuật số nhằm thực sự phục vụ hạnh phúc con người?*"

Theo quan điểm của ông, thách thức không chỉ là hạn chế những tác động tiêu cực sau khi công nghệ đã được triển khai, mà cần tích hợp các nguyên tắc công bằng, minh bạch và trách nhiệm giải trình ngay từ giai đoạn thiết kế hệ thống.

Điều quan trọng là phải đặt câu hỏi về hình ảnh con người mà những công nghệ đang phát triển hướng đến. Chính ở điểm này, các truyền thống tôn giáo có thể đóng góp những góc nhìn cần thiết.

Ý thức con người có những chiều hướng vượt ra ngoài khả năng xử lý thông tin. Đó là khả năng tự nhận thức, ý thức trách nhiệm đạo đức, sự đồng cảm, năng lực tạo lập ý nghĩa từ trải nghiệm và khả năng suy xét những vấn đề liên quan

đến thiện và ác.

Chúng ta có thể giao cho các hệ thống công nghệ thực hiện ngày càng nhiều nhiệm vụ, nhưng không thể chuyển giao hoàn toàn trách nhiệm phán đoán đạo đức cho máy móc. Thuật toán có thể hỗ trợ con người xử lý những tình huống phức tạp, song trách nhiệm cuối cùng đối với các quyết định vẫn phải thuộc về con người. Một xã hội đánh mất ranh giới này có nguy cơ làm suy yếu chính nền tảng của tự do và phẩm giá con người.

Bởi vậy, nguyên tắc công bằng kỹ thuật số cần đi đôi với nguyên tắc lấy con người làm trung tâm. Công nghệ cần mở rộng năng lực chứ không thay thế khả năng phán đoán của con người; củng cố tự do thay vì làm suy giảm tự do; tăng cường sự gắn kết cộng đồng thay vì tạo thêm những chia rẽ.

Thách thức lớn nhất của thời đại không phải là lựa chọn giữa công nghệ và con người, mà là làm thế nào để bảo đảm công nghệ được phát triển một cách có ý thức, hướng đến sự thịnh vượng chung. Điều đó đòi hỏi một tầm nhìn phát triển toàn diện, trong đó đạo đức con người, giá trị cộng đồng, các truyền thống văn hóa và tinh thần được đặt ở vị trí trung tâm.

Tiến bộ công nghệ chỉ thực sự có ý nghĩa khi nó phục vụ lợi ích chung, thay vì khiến con người trở thành phương tiện cho chính sự phát triển của công nghệ.

(hết phần 2/6, còn tiếp...)

***

Tác giả: **John Harvey Negru**
Chuyển ngữ: **Nguyễn Minh Anh**
Nguồn: **https://www.buddhistdoor.net/**